

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 6 - 2024

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Thành

Ông Nguyễn Văn Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Tuyết Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15/12/2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị LÊ THỊ NGỌC M, sinh năm 1999

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh LIN, PING - Y, sinh năm 1979

Địa chỉ: Lầu E, Số H, Hẻm A, đường D, Khóm A, phường S, khu T, thành phố C, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2022 của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc M trình bày:

Chị Lê Thị Ngọc M và anh Lin, Ping - Y tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2019, được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng về bên gia đình chồng tại Đài Loan sinh sống. Sau thời gian chung sống được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn lại tình cảm nhưng không thành. Từ đó, chị M trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay và không còn liên lạc với nhau.

Chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lin, Ping - Y. Khi ly hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 56, 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc M. Chị M được ly hôn với anh Lin, Ping - Y. Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị M phải chịu tiền án phí và lệ phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc tranh chấp ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc M và anh Lin, Ping - Y thì chị M là công dân Việt Nam đang định cư tại Việt Nam, anh Lin, Ping – Y là người nước ngoài đang định cư tại Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) nên quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ việc là pháp luật Việt Nam được quy định tại khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ngày 29/5/2024, chị Lê Thị Ngọc M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với anh Lin, Ping – Y đã được Tòa án ủy thác tổng đạt hợp lệ văn bản ghi rõ thời gian và địa điểm mở phiên tòa, nhưng anh Lin, Ping - Y vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Ngọc M và anh Lin, Ping – Y tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2019, được Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Về tình nghĩa vợ chồng thì chị Lê Thị Ngọc M và anh Lin, Ping - Y phải có nghĩa vụ thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, thực tế cho thấy sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn và từ đó vợ chồng không còn chung sống với nhau, chị M trở về Việt Nam sinh sống không còn liên lạc qua lại với anh Lin, Ping – Y, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Do vợ chồng không còn chung sống với nhau trong thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, theo yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc M xin ly hôn với anh Lin, Ping - Y là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, con chung và nợ chung của vợ chồng:

Chị Lê Thị Ngọc M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng:

Chị Lê Thị Ngọc M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*) chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 02 lần được quy định tại khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở phù hợp luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc M.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc M được ly hôn với anh Lin, Ping - Y.

1.2. Về tài sản chung, con chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Ngọc M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Chị Lê Thị Ngọc M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*) chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000327 ngày 15/12/2022, số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo biên lai thu số 0000336 ngày 23/12/2022 và số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo biên lai thu số 0000523 ngày 31/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, nên chị M không phải nộp thêm.

3. Về thời hạn kháng cáo: Chị Lê Thị Ngọc M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án. Anh Lin, Ping – Y có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án này được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa